

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 17-9-2021

V/v Ly hôn giữa chị Th với anh Tr

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Dũng; bà Nguyễn Thị Việt;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker B'Không – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Mai Thị Minh Th, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Buôn D, xã Đ, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

Bị đơn: anh Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1977; nơi cư trú trước khi bị tuyên bố mất tích: Buôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo chị Mai Thị Minh Th trình bày:

Chị Th và anh Nguyễn Văn Tr tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Sau kết hôn, anh chị làm ăn, sinh sống ở Buôn D, xã Đ. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc bình thường và đã có hai con: Nguyễn Trí Vinh, sinh ngày 23/9/2005; Nguyễn Trí Lâm Nguyên, sinh ngày 08/3/2008. Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng không hiểu vì sao từ năm 2015, anh Tr thường xuyên vắng nhà thời gian dài, đi đâu, làm gì không cho vợ, con biết và ngược lại anh Tr không hề quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ mặc vợ, con. Đến khoảng tháng 6 năm 2017 thì anh Tr bỏ đi khỏi địa phương, chị Th đã tìm mọi cách để biết tin tức của anh Tr nhưng vẫn không biết anh Tr đi đâu, làm gì, còn sống hay đã chết.

Năm 2020, chị Th yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr bị mất tích và được Tòa án chấp nhận tại quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện L; theo đó, Tòa án đã tuyên bố anh Nguyễn Văn Tr mất tích từ

01/7/2017; từ đó đến nay, anh Tr vẫn không trở về địa phương. Nay chị Th đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh Tr.

Về con, hai con chung của anh chị hiện vẫn đang sinh sống cùng chị Th; khi được ly hôn, chị Th đề nghị Tòa án giao cho chị Th được quyền tiếp tục nuôi con. Về cấp dưỡng chị không yêu cầu, bởi vì chị Th có đủ điều kiện nuôi 02 con; hơn nữa, anh Tr vẫn không có tin tức gì nên có yêu cầu cũng không thực hiện được trên thực tế.

Về tài sản: chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh và đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tự khai, hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng anh Tr vẫn vắng mặt ở địa phương, không có mặt tại Tòa án và cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi yêu cầu khởi kiện của chị Th nên Tòa án không thể thu thập được lời khai của anh Tr.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện L phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Anh Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2020/QĐST-DS ngày 03/8/2020 nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Mai Thị Minh Th và anh Nguyễn Văn Tr có đăng ký kết hôn; chị Th yêu cầu ly hôn với anh Tr; đây là vụ án hôn nhân và gia đình về “tranh chấp ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện L trước khi bị tuyên bố mất tích nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn Tr đã bị Tòa án tuyên bố mất tích và đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2006 ngày 15/8/2006 của Ủy ban nhân dân xã Krông Nô, cùng lời khai của chị Th về việc các đương sự tự nguyện kết hôn với nhau, nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Th với anh Tr là hôn nhân hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của chị Th: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì lớn; nhưng anh Tr bỏ đi khỏi địa phương đến nay không có tin tức gì, chị Th đã yêu cầu Tòa án tuyên bố anh Tr mất tích. Nay, chị Th xác định không còn tình cảm

vợ chồng với anh Tr nên chị Th đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Nguyễn Văn Tr đã bị Tòa án nhân dân huyện L tuyên bố mất tích tại Quyết định số 01/2020/QĐST-VDS ngày 03/8/2020. Trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn, Tòa án đã tiến hành xác minh lại và làm thủ tục niêm yết triệu tập hợp lệ anh Tr đến Tòa trình bày ý kiến, tổ chức phiên hòa giải để các bên có điều kiện hàn gắn đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, đến nay anh Tr không trở về địa phương và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không rõ lý do. Như vậy, khoảng thời gian thực tế anh Tr không chung sống với chị Th từ tháng 7/2017 đến nay là khoảng thời gian khá dài, chứng tỏ giữa anh Tr và chị Th không còn yêu thương, gắn bó với nhau nên hôn nhân của chị Th với anh Tr không còn đạt được hạnh phúc. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: thực tế từ tháng 7/2017, khi anh Tr bỏ nhà đi đến nay, chị Th vẫn là người nuôi các con, việc nuôi dưỡng các con được chị Th đảm bảo; hơn nữa, việc biệt tích nhiều năm của anh Tr thể hiện sự thiếu trách nhiệm của người cha đối với con. Do đó, việc giao các con của anh chị cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Th không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Mai Thị Minh Th với anh Nguyễn Văn Tr.

Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Trí V, sinh ngày 23/9/2005; Nguyễn Trí Lâm Ng, sinh ngày 08/3/2008 cho chị Mai Thị Minh Th tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Anh Nguyễn Văn Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội Liên hiệp phụ

nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị Mai Thị Minh Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào tiền thu tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số AA/2019/0010551 ngày 28/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L; chị Mai Thị Minh Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 17/9/2021; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Krông Nô;
- VKSND H. Lắk;
- Chi cục THA DS H. Lắk;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Hưng